TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ THIỆN** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 20 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Mạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc và ông Đỗ Xuân Ưa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXXST-HS ngày 22/11/2024 đối với:

- *Bị cáo:* Phạm Minh H, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2004 tại huyện P, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Tống Thị B; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại (La Thị Kiều N đã chết):* Ông La Văn B1, sinh năm 1984 và bà Nông Thị C, sinh năm 1984

Đều trú tại: Thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm F, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

2. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1988

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Bá C1, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

2. Anh Tống Duy P, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn T, xã I, , huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/2/2023, Phạm Minh H2 giao xe mô tô BKS 81L1-110.57 cho em trai là Phạm Minh H để quản lý, sử dụng. Khoản 18 giờ ngày 11/7/2024, La Thị Kiều N là bạn của H mượn xe BKS 81L1-110.57, H dù biết N không có Giấy phép lái xe nhưng vẫn giao xe cho N sử dụng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N điều khiển xe đến nhà anh Tống Văn P1 tại thôn T, xã I, huyện P để ăn nhậu, đến khoảng 21 giờ 30 phút H có đến nhà anh P1 nhậu cùng N đến khoảng 23 giờ thì ra về. H biết N đã sử dụng rượu bia nhưng vẫn giao xe cho N điều khiển chở H ngồi phía sau. Khi đến đoạn đường K + 850 Quốc lộ B thuộc thôn P, xã I, huyện P, La Thị Kiều N điều khiển xe mô tô BKS 81L1-110.57 lấn qua phần đường ngược chiều nhằm vượt xe mô tô đang lưu thông cùng chiều thì xảy ra va chạm với xe ô tô tải BKS 37H-009.69 do anh Nguyễn Văn Đ điều khiển lưu thông trên đúng phần đường ngược chiều.

Hậu quả: La Thị Kiều N chết tại chỗ, Phạm Minh H bị thương nặng. Xe mô tô và xe ô tô tải bị hư hỏng nặng.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ tai nạn giao thông này xảy ra trên Quốc lộ B thuộc địa phận thôn P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Là đoạn đường thẳng, mặt đường trải nhựa bê tông, chiều rộng mặt đường là 6.2m, đường hai chiều phân chia bằng vạch kẻ đứt đoạn, màu vàng.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, lấy mép đường bên phải hướng P đi Chư Sê làm chuẩn, phát hiện:

- Hiện trường có nhiều vết cày đứt đoạn, lõm xuống mặt đường (ký hiệu số 5), hướng từ gần tâm đường đi vào bên phải lề đường, đầu vết vào điểm gần nhất của mép đường là 2,6m, có diện chung là 9,4mx0,027m, đo từ điểm cuối vết đến trục sau xe mô tô 81L1-110.57, ký hiệu (1) là 14,2m, trục sau xe mô tô (1) cách mép đường là 4,85m, trục trước xe mô tô (1) đến mép đường là 3,9m, xe mô tô (1) nằm nghiêng bên phải, tay lái hướng vào trong và bánh xe hướng ra mép đường, đầu xe quay về hướng đi Chư sê.

- Tử thi (ký hiệu số 4) nằm gần xe mô tô (1) đầu quay về hướng đi A, chân hướng đi C, bàn chân phải vào lề đường là 3,45m, đỉnh đầu vào trục sau xe mô tô (1) là 0,85m.

- Trên phần đường bên trái có 01 xe ô tô 37H- 009.69, ký hiệu (2), xe dừng theo hướng đầu xe đi A, trục bánh trước, trục bánh xe thứ hai, trục bánh xe thứ ba, trục bánh xe thứ tư bên trái đều cách mép đường bên phải 3,8m, các bánh xe bên phải trùng với mép đường bên trái, trục trước bên phải xe cách trụ điện ký hiệu $^{475APA/}_{485}$ là 11,5m.

- Phần đường bên trái có nhiều mảnh vỡ diện 2,2m x 2,5m, tâm cách mép đường bên phải 4,65m, cách mô cơ não (7) là 3,75m.

* Kết quả khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông:

- *Xe ô tô BKS 37H-009.69:* Phần bên trái xe, Ốp nhựa má gió bên trái bị gãy vỡ bung, bong tróc sơn; Cản trước bên trái bị gãy vỡ bung rời; Ốp nhựa đèn chiếu sáng

bị vỡ nát hoàn toàn; Đèn xi nhan tín hiệu cửa bên trái bị vỡ nát; Ốp mặt dưới cánh cửa trước bên trái bị gãy vỡ bung rời khỏi vị trí định vị; …(BL 25,26).

- *Xe ô tô BKS 81L1-110.57:* Nắp mặt nạ đèn pha phía trước có vết trầy xước, bung rời khỏi vị trí định vị; Gương chiếu hậu bên trái bị di lệch ép sát mặt nạ trước; Phần vỏ bọc cao su tay lái bên trái rách bung rời lộ thanh kim loại bên trong… (VL 27,28)

* Tại bản kết luật giám định tử thi số 697/KLGĐTT-KTHS ngày 24/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh G xác định: Nguyên nhân chết của La Thị Kiều N là do Đ1 chấn thương.

* Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản theo tố tụng hình sự huyện P kết luận:

- Xe mô tô BKS 81L1-110.57: Bản kết luận số 23/KL-HĐĐG ngày 19/7/2024, kết luận: Thiệt hại 6.950.000đ (*Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Xe ô tô tải BKS 37H-009.69: Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL- HĐĐG ngày 24/7/2024 kết luận: Thiệt hại 17.950.000đ (*Mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

* Kết quả xét nghiệm sinh hóa máu, xác định: Định lượng Ethanol (Cồn) troing máu của La Thị Kiều N là 767Mg/dl.

* *Về vật chứng:* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ phương tiện liên quan là 01 xe ô tô biển kiểm soát 37H-009.69 cùng 01 giấy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe và 01 Giấy phép lái xe ô tô và 01 xe mô tô biển kiểm soát 81L1-110.57 cùng 01 Giấy đăng ký xe mô tô. Cơ quan điều tra đã trao trả lại các phương tiện và giấy tờ trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

* *Về dân sự:* Gia đình Phạm Minh H đã bồi thường cho gia đình La Thị Kiều N số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Gia đình La Thị Kiều N không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Minh H về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt tiền bị cáo từ 30 đến 35 triệu đồng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu; về trách nhiệm dân sự: các bên đã tự nguyện thỏa thuận, nay không có yêu cầu gì thêm; đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với tội danh, điều, khoản, mức hình phạt và tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng vụ án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 11/7/2024, sau khi cùng uống bia tại nhà anh Tống Văn P1, tại thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; Phạm Minh H đã giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, dung tích xi lanh 149 cm^3, BKS 81L1-110.57 do mình quản lý, cho La Thị Kiều N điều khiển chở H đi về; khi đến đoạn đường K + 850 Quốc lộ B thuộc thôn P, xã I, huyện P, La Thị Kiều N điều khiển xe mô tô lấn qua phần đường ngược chiều, vượt xe mô tô đang lưu thông cùng chiều phía trước, do không làm chủ tay lái đã tông vào phần đầu xe ô tô tải do anh Nguyễn Văn Đ điều khiển lưu thông ngược chiều.

Phạm Minh H biết rõ La Thị Kiều N không có giấy phép lái xe; đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà vẫn giao xe mô tô để La Thị Kiều N điều khiển gây hậu quả làm La Thị Kiều N chết tại hiện trường, còn Phạm Minh H bị thương, xe mô tô và ô tô hư hỏng thiệt hại 24.900.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ", với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng giảm nhẹ nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây nên; Đây là vụ tai nạn giao thông với lỗi hỗn hợp, lỗi của người bị hại là điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ mà trong máu có nồng độ cồn, không có giấy phép lái xe; Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về những chứng cứ buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản áp dụng đối với bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cũng như về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cũng như về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng mà đại diệnViện kiểm sát đề nghị áp dụng, nên Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt: HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; không cần thiết phải phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo mà không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu; về trách nhiệm dân sự: các bên đã tự nguyện thỏa thuận, nay không có yêu cầu gì thêm; nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh H phạm tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Phạm Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được yết; lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Phú Thiện;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an huyện Phú Thiện;
- Chi Cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Lưu HS.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Ngọc Đỗ Xuân Ưa Dương Đình Mạnh